

Số: 3578 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 6447/STP-TC ngày 05 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho 10 cá nhân (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Thành phố và các cá nhân có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp - Cục BTTP;
- TTUB: CT, PCT/NC;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: PCVP/NC;
- Lưu: VT, P.NCPC (Kh).

14



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Bảy



DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
(Kèm theo Quyết định số 2578 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ và tên	Giới tính		Ngày, tháng, năm sinh			Địa chỉ thường trú	Số Chứng chỉ hành nghề luật sư
		Nam	Nữ	Ngày	Tháng	Năm		
1	Nguyễn Thị Hoàng Quyên		x	15	11	1999	Tổ 1, ấp Phước Hưng 1, xã Mỹ Lộc, tỉnh Tây Ninh	79.2026.1209/TP/LS-CCHN
2	Cao Thị Kim Cúc		x	18	01	1998	Ấp 15, xã Cần Đức, tỉnh Tây Ninh	79.2026.1210/TP/LS-CCHN
3	Nguyễn Lan Hương		x	24	01	1993	Số nhà 72, đường DX-078, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	79.2026.1211/TP/LS-CCHN
4	Hồ Thị Như Anh		x	08	4	1995	Thôn Nga Mân, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi	79.2026.1212/TP/LS-CCHN
5	Lê Thị Bích Loan		x	26	9	1999	Xóm Toàn An, thôn Trung An, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	79.2026.1213/TP/LS-CCHN
6	Đặng Lê Ngọc Thảo		x	12	5	1999	Tổ 1, Khu phố Đại Thiện 2, phường Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng	79.2026.1214/TP/LS-CCHN

STT	Họ và tên	Giới tính		Ngày, tháng, năm sinh			Địa chỉ thường trú	Số Chứng chỉ hành nghề luật sư
		Nam	Nữ	Ngày	Tháng	Năm		
7	Thân Thị Ánh Vy		x	02	9	1995	Xã Phước Thái, Thành phố Đồng Nai	79.2026.1215/TP/LS-CCHN
8	Nguyễn Ngọc Lan Hương		x	31	10	2000	25/19/5 Lý Thường Kiệt, phường Tân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	79.2026.1216/TP/LS-CCHN
9	Nguyễn Huy Hoàng	x		22	7	1999	13 Đường số 53, Khu phố 42, phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh	79.2026.1217/TP/LS-CCHN
10	Lê Thị Hồng Xuyến		x	25	12	1992	Căn hộ LB-16.10, cao ốc Lexington, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh	79.2026.1218/TP/LS-CCHN